* **Sơ-Thiền-Thiên gọi là "Ly Sanh Hỷ Lạc Ðịa,"**

Người nào ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

* **Nhị-Thiền-Thiên gọi là "Ðịnh Sanh Hỷ Lạc Ðịa,"**

Diệt tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

* **Tam-Thiền-Thiên gọi là "Ly Hỷ Diệu Lạc Ðịa,"**

Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng và trú Thiền thứ ba.

* **Tứ-Thiền-Thiên gọi là"Xả Niệm Thanh Tịnh Ðịa," nghĩa là xả bỏ niềm vui vi diệu của Tam-Thiền**

Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

* *Tầm* (S: Vitarka, P: Vitakka), xưa dịch là Giác, tầm nghĩa là tìm cầu, suy tính, tánh nặng về suy nghĩ, tìm tòi nên tâm luôn lăng xăng với những suy luận, phê phán, đánh giá... và dễ dàng trở nên trạo hối bất an. Khi nhập Nhị Thiền trở lên thì không còn tầm, tứ.
* *Tứ*(S, P: Vicāra), xưa dịch là Quán, còn gọi là Sát, tứ nghĩa là chú tâm quan sát, dò xét, là tánh sáng suốt, tỉnh thức nên tâm ít vọng động, thường trong sáng, bén nhạy, vi tế. Đây cũng là tên của một Tâm sở; tứ có ở hành giả tu tập Dục Giới Định và Sơ Thiền. Khi nhập Nhị Thiền trở lên thì không còn tầm, tứ.

*(Nếu chứng được Sơ-quả A-la-hán, tức là quả vị Tu-đà-hoàn, thì không những khi nhập Ðịnh không còn vọng niệm, mà khi đi đứng nằm ngồi đều chẳng có vọng tưởng, chẳng có chấp trước. Ðạt được Sơ-quả thì chỉ mới đoạn được tám mươi tám phẩm kiến-hoặc (sự mê mờ do cái thấy) trong Tam-giới mà thôi. Hãy còn bảy vòng sinh tử nữa. Lúc chứng được Sơ-quả, bất luận là gặp cảnh giới gì cũng không bị dao động, "đối cảnh vô tâm" (gặp cảnh, không khởi tâm tưởng), duy chỉ có Ðạo-tâm, chuyên nhất tu)*